TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 02 năm 2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con giữa Chị H, Anh N

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Quốc Doanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Đoan
2. Ông Vũ Văn Sâm

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 235/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 về *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05/02/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986

Nơi cư trú: Thôn B, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Duy N, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Anh N có mặt; chị H có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại đơn xin xét xử vắng mặt như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Duy N có tự do tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 19/01/2004 tại Uỷ ban nhân dân xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã Q, huyện Quỳnh Phụ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, ngoài ra mâu

thuẫn giữa vợ chồng kéo dài làm ảnh hưởng đến tâm lý của các con. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng vào tháng 11/2017 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã A, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay không ai quan tâm hỏi han gì đến nhau. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Nguyễn Duy N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Duy H, sinh ngày 09/7/2004 và Nguyễn Duy H1, sinh ngày 13/01/2011 hiện đang ở cùng Anh N. Ly hôn chị H đề nghị Tòa án giao cháu H1 cho Anh N được nuôi dưỡng, chị không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho Anh N. Đối với cháu H đã đủ tuổi trưởng thành tự lập về kinh tế nên không đặt ra giải quyết. Hiện chị không có thai nghén gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên toà, anh Nguyễn Duy N trình bày như sau:

Về hôn nhân: Về điều kiện hoàn cảnh kết hôn như chị H đã trình bày là đúng, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh tại xã Q, huyện Quỳnh Phụ. Quá trình chung sống giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì với nhau, vợ chồng vẫn chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Ngày 13/01/2017 chị H tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã A sinh sống. Anh cũng trình bày thêm khoảng tháng 8/2017 vợ chồng cũng từng nộp đơn lên Tòa án để giải quyết ly hôn nhưng sau đó lại rút đơn về. Trong thời gian chị H ở dưới xã A anh cũng nhiều lần xuống động viên khuyên bảo chị H quay về nhưng chị H cương quyết không quay về sinh sống cùng anh. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Duy H, sinh ngày 09/7/2004 và Nguyễn Duy H1, sinh ngày 13/01/2011. Trường hợp vợ chồng ly hôn anh xin được nuôi dưỡng cháu H1 và không yêu cầu chị H góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Đối với cháu H đã đủ tuổi trưởng thành tự lập về kinh tế nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai cháu Nguyễn Duy H1 trình bày:* Cháu Nguyễn Duy H1, sinh ngày 13/01/2011 là con đẻ của chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Duy N. Hiện cháu H1 đang học lớp 7A trường Trung học cơ sở xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Nếu Chị H, Anh N ly hôn thì cháu H1 có nguyện vọng ở cùng anh Nguyễn Duy N.

- *Tại biên bản xác minh với cơ sở Thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình:* Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Duy N là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Q vào ngày 19/01/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia

đình Anh N ở Thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống giữa vợ chồng chị H, Anh N thì cơ sở thôn thấy vợ chồng có mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do ảnh hưởng từ kinh tế gia đình, khoảng đầu năm 2017 chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã A sinh sống, từ đó cho đến nay cơ sở thôn không thấy chị H về sinh sống cùng với Anh N. Nay chị H xin ly hôn Anh N cơ sở thôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Duy H, sinh ngày 09/7/2004 và Nguyễn Duy H1 sinh ngày 13/01/2011, hiện cháu H1 đang ở cùng với Anh N. Ly hôn cơ sở thôn đề nghị Tòa án giao con chung Duy Hưng cho Anh N được nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Đối với cháu Duy Hùng đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản: Cơ sở không nắm rõ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Duy N là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ cư trú ở xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình nên Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, con cái. Vì vậy đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy, hôn nhân của chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Duy N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hôn vào ngày 19/01/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên đơn trình bày vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2017 đến nay không

hỏi han, chia sẻ với nhau. Bị đơn cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn với nhau, nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn chuyện tình cảm vợ chồng, mỗi người sống một nơi. Tòa án đã tiến hành triệu tập bị đơn lên hòa giải vụ án ly hôn với chị Nguyễn Thị H nhưng bị đơn không đến Tòa án để giải quyết, điều này cho thấy bị đơn không thể hiện thiện chí để vợ chồng hòa giải quay về đoàn tụ với nhau. Do đó, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Nguyễn Duy N là phù hợp với Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H, Anh N đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Duy H, sinh ngày 09/7/2004 và Nguyễn Duy H1 sinh ngày 13/01/2011. Ly hôn chị H, Nghĩa đều thống nhất Anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Duy H1. Cháu H1 cũng có nguyện vọng được ở cùng Anh N. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con chung của Anh N là chính đáng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất của con chung, Hội đồng xét xử cần giao cho Anh N trực tiếp nuôi con Nguyễn Duy H1 sinh ngày 13/01/2011; chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung. Đối với cháu Nguyễn Duy H đã đủ tuổi trưởng thành tự lập về kinh tế nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Duy N cùng trình bày vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Nguyễn Duy N.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Duy N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Duy H1 sinh ngày 13/01/2011 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung, chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị H, Anh N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Đối với cháu Nghĩa Duy Hùng đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải nộp 300.000đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai số 0004521 ngày 30/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20 tháng 02 năm 2024). Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND xã Q, huyện Quỳnh Phụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Quốc Doanh